TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 150/2026/DS-PT
Ngày 09 – 6 – 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo

Ông Nguyễn Văn Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lê Thị Ngọc Linh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09-6-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2026/TLPT-DS ngày 20-4-2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2026/DS-ST ngày 11-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2026/QĐ-PT ngày 14-5-2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1986, địa chỉ: Số A P, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Phước K, sinh năm 1983; địa chỉ liên hệ: F H, phường H, thành phố Đà Nẵng; theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 22-5-2026 tại Văn phòng C; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thái K1**, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ A A, phường A, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ: 7 H, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thái K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn – bà Phạm Thị L trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án:*

Bà Phạm Thị L và bà Nguyễn Thị Thái K1 có quen biết và hợp tác làm ăn với nhau, bà K1 thường vay tiền của bà L để xoay sở công việc kinh doanh của bà K1 hoặc dùng các mục đích khác. Đến ngày 02-4-2025, bà K1 có chốt lại số tiền nợ mà bà K1 vay của bà Lụa là 200.000.000 đồng qua tin nhắn trên ứng dụng Zalo *(có Vi bằng kèm theo)*. Theo đó, bà K1 hẹn trả hết số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng cho bà L trong vòng 4-5 tháng kể từ ngày 02-4-2025, mỗi tháng trả 4-50.000.000 đồng. Như vậy, chậm nhất đến ngày 01-9-2025 thì bà K1 sẽ trả hết nợ cho bà L. Ngoài ra, giữa bà L và bà K1 có thỏa thuận về việc trả lãi.

Tuy nhiên, đến tháng 9-2025 thì bà K1 vẫn không trả hết số tiền nợ nói trên cho bà L. Mặc dù, bà L cũng đã nhiều lần liên hệ với bà K1 thì bà K1 cam kết sẽ trả tiền cho bà L nhưng bà K1 chỉ cam kết vậy thôi chứ bà K1 vẫn chây ỳ, hẹn lần hẹn lữa, bà K1 hẹn từ tuần này sang tuần khác mà không chịu trả tiền. Ban đầu khi vay tiền thì bà K1 đưa ra phương án trả nợ và cam kết trả đúng hạn trong vòng 4-5 tháng đến tháng 9-2025 là hết. Đến ngày 08-10-2025, bà K1 nói là sẽ chia nhỏ trả mỗi tháng nhưng vẫn không trả. Rồi đến ngày 13-10-2025, bà K1 lại nói bà L sẽ chuyển trả 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng tùy khả năng bắt đầu từ tháng sau. Bà K1 hứa hẹn rất nhiều lần nhưng hoàn toàn không thực hiện và khi bà K1 không trả được nợ thì bà K1 lại thể hiện rõ sự ngang ngược, bất chấp. Bà K1 là người vay tiền mà bà K1 lại tự ý ấn định số tiền phải trả và thời gian trả tiền cho bà L mà không được sự đồng ý của bà L, bà K1 rất ngang ngược và không có một lý lẽ nào có thể chấp nhận được. Bà L nhận thấy bà K1 rất vô lý và hành vi của bà K1 đã làm xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, khiến cho cuộc sống và công việc của bà L cũng bị ảnh hưởng trầm trọng.

Căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 thì ngoài nghĩa vụ trả nợ gốc, tiền lãi trong hạn thì bà K1 còn phải trả tiền lãi quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả tính đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ.

Tạm tính đến ngày 12-11-2025, bà Nguyễn Thị Thái K1 có nghĩa vụ phải trả cho bà L các khoản tiền như sau: Tiền vay gốc 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 8.333.000 đồng; tiền lãi quá hạn 5.916.000 đồng.

Như vậy, tạm tính đến thời điểm ngày 12-11-2025, bà Nguyễn Thị Thái K1 phải trả cho bà Phạm Thị L tổng số tiền gốc và lãi là 214.249.000 đồng.

Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì bà L không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà K1 trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng.

** Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thái K1 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án:*

Bà Nguyễn Thị Thái K1 và bà Phạm Thị L có nhiều giao dịch mua bán vay mượn. Bà K1 thừa nhận là có viết giấy mượn tiền vào ngày 08-3-2024 của bà L

như bà L đã trình bày, nhưng bà K1 không nhận được số tiền 200.000.000 đồng của bà L nên bà K1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

**** Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2026/DS-ST ngày 11-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Nguyễn Thị Thái K1 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Nguyễn Thị Thái K1 có nghĩa trả cho bà Phạm Thị L số tiền vay gốc 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 08-3-2024.

Đình chỉ phần yêu cầu trả lãi số tiền 14.249.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thái K1 phải chịu là 10.000.000 đồng. Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quy định về thi hành án của các đương sự.

**** Kháng cáo:***

Ngày 23-3-2026, bà Nguyễn Thị Thái K1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Giấy mượn tiền để buộc bà K1 trả nợ là không đảm bảo căn cứ pháp lý. Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện tình tiết vụ án, chưa đánh giá đầy đủ lời trình bày của bà K1 dẫn đến đưa ra phán quyết không đúng sự thật khách quan, xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của bà. Do đó bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến*:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thái K1 do không có căn cứ pháp luật và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2026/DS-ST ngày 11-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thái K1:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 08-3-2024 với nội dung: *Tôi tên Nguyễn Thị Thái K1 hôm nay ngày 08-3-2024 có mượn của chị Phạm Thị L 1 số tiền 200.000.000 đồng. Tôi sẽ trả theo hình thức mỗi tháng 20.000.000 đồng, trả trong vòng 10 tháng hết.* Đồng thời, nội dung tin nhắn bà K1 gửi cho bà L trên ứng dụng Zalo ngày 02-4-2025 cũng xác nhận bà K1 còn nợ bà L 200.000.000 đồng và hẹn cuối tháng gửi 4-50 triệu, cố gắng trả trong 4-5 tháng.

Căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thái K1 trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên toà phúc thẩm hôm nay đều thừa nhận Giấy mượn tiền do chính tay bà K1 viết và ký tên.

Do đó, Toà án xác định có sự việc bà Nguyễn Thị Thái K1 vay mượn của bà Phạm Thị L số tiền 200.000.000 đồng.

Tại đơn kháng cáo, bà Nguyễn Thị Thái K1 cho rằng đúng là bà có viết Giấy mượn tiền nhưng thực tế không có nhận tiền vay nên bà không đồng ý trả tiền cho bà L. Xét trong giao dịch dân sự thông thường, khi bên vay viết giấy vay mượn tiền cho bên cho vay là đã hoàn thành giao dịch vay mượn tiền, xác nhận có nợ khoản tiền vay và chỉ còn nghĩa vụ thanh toán của bên vay. Do vậy, lý do theo đơn kháng cáo của bà K1 chỉ là lời khai nại.

Bà Nguyễn Thị Thái K1 có nộp bổ sung cho Toà án bảng sao kê tài khoản các ngân hàng giao dịch sau ngày 08-3-2024, thể hiện bà K1 đã chuyển khoản và trả tiền mặt cho bà L khoảng 890 triệu đồng và bà L cũng chuyển khoản cho bà K1 khoảng 735 triệu đồng, với mục đích chứng minh bà K1 đã trả hết tiền cho bà L. Xem xét các tài liệu này thì thấy, những lần chuyển khoản đều không ghi nội dung để thực hiện giao dịch gì, còn tiền mặt bà K1 khai đã trả cho bà L thì không có tài liệu chứng minh. Phía bà L trình bày các giao dịch chuyển khoản của hai bên không liên quan gì đến số tiền vay 200.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08-3-2024. Do vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà K1 đã thanh toán tiền vay cho bà L.

Từ những nhận định trên cho thấy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, buộc bà Nguyễn Thị Thái K1 trả cho bà L số tiền gốc là 200.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà K1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thái K1 phải chịu do không được chấp nhận đơn kháng cáo.

[3] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, các Điều 311, 312, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thái K1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2026/DS-ST ngày 11-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Nguyễn Thị Thái K1 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thái K1 có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền vay gốc 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 08-3-2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ phần yêu cầu trả lãi số tiền 14.249.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thái K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.356.000 đồng theo biên lai thu số 0006337 ngày 01-12-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thái K1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003021 ngày 01-4-2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; đã nộp đủ.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- THADS Thành phố Đà Nẵng;
- TAND KV10-ĐN;
- Phòng THADS KV10-ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thanh Mai